

TRƯỜNG THPT YÊN HÒA BỘ MÔN: NGỮ VĂN	ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025 MÔN: VĂN, KHỐI 12
--	--

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT VÀ KTCB

I. ĐỌC

1. Truyện và tiểu thuyết

a. Khái niệm

- Tiểu thuyết: tác phẩm tự sự cỡ lớn. Tiểu thuyết có khả năng phản ánh đời sống rộng lớn, không bị giới hạn về không gian và thời gian; cốt truyện phức tạp, được xây dựng trên nhiều sự kiện, cảnh ngộ, nhiều mối xung đột; miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chông chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng.
- Truyện ngắn: tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Truyện ngắn hướng tới khắc hoạ một hiện tượng trong đời sống, cốt truyện thường diễn ra trong thời gian, không gian hạn chế, kết cấu không nhiều tầng, nhiều tuyến; thường có ít nhân vật. Truyện ngắn thu hút người đọc bởi nội dung cô đúc, chi tiết có sức ám ảnh, ý tưởng sắc sảo được thể hiện qua tình huống bất ngờ, lời văn hàm súc, mang nhiều ẩn ý.

b. Một số yếu tố đặc trưng của truyện và tiểu thuyết

- Nội dung: đề tài, chủ đề, cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, bối cảnh (không gian, thời gian), ý nghĩa chi tiết, ...
- Nghệ thuật: Ngôi kể, điểm nhìn trần thuật, lời nhân vật, lời người kể chuyện, chi tiết đặc sắc, nghệ thuật xây dựng nhân vật,...

c. Đọc hiểu văn bản chú ý đặc trưng của thể loại truyện và tiểu thuyết

- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về hình thức (các chi tiết tiêu biểu, ngôi kể, điểm nhìn, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật,...); nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, triết lí nhân sinh,...) của truyện và tiểu thuyết.

+ Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

2. Thơ

a. Khái niệm

- Là một thể loại văn học
- Nội dung: Phản ánh cuộc sống thông qua tình cảm, cảm xúc của người viết về cuộc đời và con người
- Hình thức: Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, sử dụng nhiều hình tượng nghệ thuật, biện pháp tu từ, giàu nhịp điệu,...
- Thơ có yếu tố tượng trưng: là thơ có những hình ảnh mang tính biểu tượng, gợi cho người đọc những ý niệm, hoặc gợi lên một liên tưởng sâu xa.
- Thơ trữ tình hiện đại: là các sáng tác thơ trữ tình có tính chất cách tân, đổi mới so với thơ trung đại. Ở Việt Nam, thơ trữ tình hiện đại xuất hiện vào khoảng đầu thế kỉ XX, phát triển với sự ra đời của phong trào Thơ mới năm 1932. Phá vỡ những quy phạm của thơ trung đại, thơ trữ tình hiện đại đề cao cái “tôi” cá nhân với những cảm xúc đa dạng, phong phú. Vừa tiếp thu những thành tựu của thơ ca phương Tây (tượng trưng, siêu thực,...) vừa hiện đại hoá những thể loại truyền thống, các nhà thơ hiện đại không ngừng tìm tòi, làm mới hình thức câu thơ, hình ảnh thơ, cấu tứ,...
- Thơ có yếu tố siêu thực: là thơ có những hình ảnh hư ảo, mơ hồ, trừu tượng, khó hình dung, lí giải một cách tường minh. Những hình ảnh này là sự thể hiện của thế giới siêu thực – thế giới được cảm nhận trong giấc mơ hoặc tiềm thức.

b. Một số yếu tố đặc trưng của thơ

- Cảm hứng chủ đạo: Cảm xúc mãnh liệt xuyên suốt bài thơ.
- Nhân vật trữ tình: Nhân vật trực tiếp bộc lộ cảm xúc, có thể là tác giả hoặc người đại diện cho quan niệm thẩm mỹ, tư tưởng của thời đại.

- Cấu tứ: cách triển khai, tổ chức hình ảnh, mạch cảm xúc của bài thơ; là sự cắt nghĩa, lí giải và khái quát hiện tượng đời sống bằng một hình tượng tổng quát có sức chi phối toàn bộ cảm thụ, suy tưởng và miêu tả nghệ thuật trong tác phẩm.

- Biện pháp tu từ, vần, giọng điệu, nhịp điệu,...

c. Đọc hiểu văn bản chú ý đặc trưng của thể loại thơ

+ Nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của thơ: đề tài, cảm hứng chủ đạo, nhân vật trữ tình,...

+ Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.

+ Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của các yếu tố cấu tứ, ngôn từ; tình cảm, cảm xúc chủ đạo của người viết.

+ Nhận biết và phân tích được những yếu tố biểu tượng, những yếu tố tượng trưng, siêu thực,...

+ Thiết lập mối quan hệ liên văn bản của văn bản thơ đang phân tích với văn bản có cùng đề tài hoặc chung đặc điểm phong cách của cùng một tác giả.

3. Kí

a. Khái niệm

- Tên gọi một thể loại văn học bao gồm nhiều thể loại / tiểu loại văn xuôi

- Chú trọng ghi chép sự thực: người thật – việc thật và bộc lộ trực tiếp cảm xúc của tác giả.

- Trong kí, hư cấu nghệ thuật vẫn được quyền sử dụng ở những thành phần không xác định nhưng không vi phạm logic khách quan

b. Một số yếu tố đặc trưng của kí

- Sự kết hợp giữa tự sự (kể lại sự việc: bối cảnh, nhân vật, quá trình, kết quả,...) và trữ tình (bộc lộ trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết)

- Sự kết hợp giữa hư cấu (chi tiết, tâm lí nhân vật, sự việc,...) và phi hư cấu (tính xác thực về con người, sự kiện,...)

c. Đọc hiểu văn bản chú ý đặc trưng thể loại kí

+ Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình, giữa hư cấu và phi hư cấu trong kí.

+ Nhận biết và phân tích được tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật trong kí.

+ Đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết qua văn bản; phát hiện được giá trị văn hoá hoặc triết lí nhân sinh từ văn bản.

4. Một số thể loại văn bản văn bản văn học khác:

- Văn học dân gian: Thần thoại, sử thi, chèo, tuồng,...

- Văn học viết: Truyện ký, truyện truyền kì, văn tế,...

5. Văn bản nghị luận

a. Khái niệm

- Văn bản nghị luận là văn bản thực hiện chức năng thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng chặt chẽ.

b. Một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận

- Luận đề, luận điểm, luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng.

- Cách sắp xếp, trình bày luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng: Trong văn bản nghị luận, luận đề là quan điểm bao trùm toàn bộ bài viết, thường được nêu ở nhan đề hoặc trong phần mở đầu của bài viết. Luận điểm nhằm triển khai làm rõ cho luận đề; số luận điểm nhiều hay ít tùy thuộc vào dung lượng và nội dung của vấn đề. Mỗi luận điểm thường được trình bày bằng một câu khái quát và được làm sáng tỏ bởi các lí lẽ, dẫn chứng. Cách sắp xếp, trình bày các yếu tố trên thể hiện bố cục và trình tự, thứ bậc (kết cấu) của hệ thống ý trong bài nghị luận; giúp cho bài viết rõ ràng, mạch lạc và có sức thuyết phục cao.

- Tính khẳng định, phủ định trong văn nghị luận: Văn nghị luận thể hiện rất rõ thái độ, nhận thức, lập trường và quan điểm của người viết. Trước bản đề nêu lên để bàn luận, người viết cần bày tỏ ý kiến, khẳng định cái đúng, cái tốt; bác bỏ, phê phán cái sai, cái xấu,... Vì thế, ngôn ngữ văn nghị luận thường dùng các từ, các câu khẳng định, phủ định nhằm tạo cho bài văn một âm hưởng, giọng điệu

mạnh mẽ, kiên quyết, hào sảng. Tính khẳng định và phủ định không chỉ có trong văn nghị luận xã hội mà trong cả văn bản nghị luận văn học.

- Lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận:

+ Lập luận là cách thức trình bày và triển khai luận điểm; cách nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; cách dùng những lí lẽ và dẫn chứng; cách sử dụng các thao tác như phân tích, giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu,... để làm sáng tỏ điều tác giả muốn nói, để người đọc hiểu, tin và đồng tình với người viết

+ Trong lập luận, người viết thường sử dụng nhiều từ ngữ miêu tả nhằm nhấn mạnh, tạo giọng văn giàu màu sắc biểu cảm.

c. Đọc hiểu văn bản chú ý đặc trưng thể loại văn bản nghị luận

- Nhận biết và phân tích được luận điểm, luận đề, luận cứ, lí lẽ và dẫn chứng trong văn bản nghị luận

- Chỉ ra và đánh giá được hiệu quả của cách sắp xếp, trình bày các yếu tố trong một văn bản nghị luận.

- Chỉ ra và đánh giá được hiệu quả của tính khẳng định và phủ định, lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.

- Đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản; đánh giá được tác động của văn bản đối với nhận thức người đọc và tiến bộ xã hội.

6. Văn bản thông tin

a. Khái niệm

- Văn bản thông tin tổng hợp là loại văn bản trong đó người viết sử dụng phương thức thuyết minh kết hợp với một hoặc nhiều phương thức biểu đạt khác (biểu cảm, tự sự, miêu tả,...). Văn bản thông tin tổng hợp có thể trình bày kết hợp nhiều hình thức: chữ, ảnh, bảng biểu,...

- Bản tin: là một dạng văn bản thông tin, cung cấp tin tức thời sự, thông báo, hướng dẫn cho người đọc, người xem những sự kiện đã, đang và sắp diễn ra. Bản tin thường ngắn gọn, kịp thời; có thể là tin chữ hoặc tin hình kết hợp với chữ dưới hai dạng phổ biến: bản in và bản điện tử.

b. Một số yếu tố đặc trưng của văn bản thông tin

- Nhan đề: thường tập trung nêu bật đề tài của văn bản; tức là trả lời cho câu hỏi: “Văn bản viết về vấn đề gì?”
- Bố cục và cách trình bày văn bản thông tin:
 - + Bố cục là hình thức sắp xếp các phần, mục lớn của một văn bản.
 - + Bố cục của văn bản thông tin thường có các phần, mục lớn sau đây: nhan đề, sa pô, thời gian và nơi in văn bản; nội dung chính của văn bản.
 - + Văn bản thông tin thường được trình bày bằng kênh chữ có thể có các tiêu mục (có tiêu đề, đánh số thứ tự, trình bày các chữ đậm, nhạt khác nhau); kết thúc văn bản có thể có mục tài liệu tham khảo và các chú thích. Tùy vào mục đích, nội dung và tính chất của văn bản mà người viết lựa chọn cách bố cục, trình bày văn bản thông tin sao cho phù hợp và có hiệu quả cao.
- Thái độ và quan điểm của người viết: được thể hiện ở nội dung đồng tình hay phản đối, ca ngợi hay phê phán thông qua các yếu tố như nhan đề văn bản, cách trình bày thông tin, việc sử dụng ngôn ngữ,...

c. Đọc hiểu văn bản chú ý đặc trưng thể loại văn bản thông tin

- + Nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố như: nhan đề, sa pô, các đề mục, các phương tiện phi ngôn ngữ.
- + Nhận biết và đánh giá được bố cục, nội dung của văn bản thông tin.
- + Nhận biết và đánh giá được thái độ và quan điểm người viết được thể hiện trong văn bản.
- + Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với nhận thức người đọc và tiên bộ xã hội.

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật
- Lỗi logic, câu mơ hồ và cách sửa
- Biện pháp tu từ nói mỉa
- Biện pháp tu từ nghịch ngữ
- Giữ gìn và phát triển Tiếng Việt

- Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

...

III. VIẾT

- Viết bài văn/ đoạn văn nghị luận xã hội về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Viết bài văn/ đoạn văn nghị luận văn học (truyện, thơ, kí,...); viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học (truyện, thơ, kí,...)
- Viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm
- Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội

...

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI – MA TRẬN

*** GIỮA KÌ II**

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

- Hình thức: trả lời 05 câu hỏi tự luận ngắn
- Nội dung:
 - + Văn bản thuộc thể loại văn bản văn học: thơ, truyện, kí,... hoặc nghị luận văn học
 - + Kiến thức về đặc trưng của thể loại văn bản văn học: thơ, truyện, kí,....
 - + Kiến thức đọc hiểu văn bản: phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, ý nghĩa hình ảnh, chi tiết đặc sắc, tính phi hư cấu...

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận văn học phân tích và đánh giá một khía cạnh của văn bản hoặc phân tích làm rõ một đặc điểm của thể loại qua văn bản (khoảng 200 chữ).

Câu 2. (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

*** CUỐI KÌ II**

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

- Hình thức: trả lời 05 câu hỏi tự luận ngắn
- Nội dung:

- + Văn bản thuộc thể loại văn bản nghị luận xã hội , văn bản thông tin.
- + Kiến thức về đặc trưng của thể loại văn bản nghị luận xã hội, văn bản thông tin,
- + Kiến thức đọc hiểu văn bản: phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, yếu tố phi ngôn ngữ...

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận xã hội về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (khoảng 200 chữ).

Câu 2. (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận văn học phân tích và đánh giá một khía cạnh của văn bản, phân tích làm rõ một đặc điểm của thể loại qua văn bản hoặc so sánh hai văn bản,...

C. LUYỆN TẬP

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

TRƯỜNG THPT YÊN HOÀ

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian làm bài: 120 phút

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy (Theo cấu trúc của đề thi TN THPT của Bộ GD&ĐT)							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %	
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ		
1	Năng lực Đọc	- Văn bản văn học (Thơ/Truyện/Tiểu thuyết/Kí/Kịch...) - Văn bản nghị luận văn học	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%	
2	Năng lực Viết	Nghị luận văn học	1	5%		5%		10%		20%	
		Nghị luận xã hội	1	7,5%		10%		22,5%		40%	
	Tỷ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng				7	100%						

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI TRƯỜNG THPT YÊN HÒA ĐỀ MINH HOẠ (1)	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: NGỮ VĂN - LỚP: 12 <i>Thời gian làm bài: 120 phút</i>
---	--

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

BÀ BÁN BỎNG CÔNG TRƯỜNG TÔI

(Lược trích một đoạn: Trước cổng trường nhân vật tôi có bà bán bỏng tóc bạc phơ, lưng còng, rất hiền hậu. Bà bán hàng thường thêm bỏng cho lũ trẻ nên đứa nào cũng thích mua hàng của bà. Một hôm, thằng Tòng béo lớp tôi phao tin đồn là bà bán bỏng bị ho lao, có thể lây nhiễm. Thế là bọn bạn lớp tôi không còn ra mua hàng cho bà như trước. Tin đó truyền đi khắp trường, hàng bỏng của bà bị ế đến mấy ngày không bán nổi. Thế rồi bà không bán bỏng ở cổng trường nữa. Tôi và lũ bạn cũng chẳng ai nhớ tới bà, chúng tôi chuyển sang mua ô mai, táo dầm)

Một hôm mẹ tôi sai tôi ra chợ mua mớ rau. Tôi bỗng gặp bà bán bỏng, trông bà gầy nhiều, lưng còng hẳn xuống, quần áo rách rưới, bà chống gậy và đeo một cái bị đi vào hàng cơm, bà lấy trong bị ra một cái bánh mì khô và nói gì nho nhỏ với bà hàng cơm, nghe không rõ. Tôi chỉ nghe tiếng quát mắng to tướng của bà hàng cơm:

- Nướng nhanh lên mà đi cho khuất mắt. Trông người chả ra người, như con gà rù thế kia mà ám hàng người ta thì làm sao người ta bán được...

Bà bán bỏng lật đặt đến gần bếp lò run rẩy nhét cái bánh mì vào phía dưới lò. Chứng kiến tất cả cái cảnh ấy tự nhiên tôi thấy thương bà quá. Tôi chạy lại gần bà, ấn vội vào tay bà số tiền mẹ tôi đưa mua rau rồi chạy vụt về. Tôi về nhà kể lại với mẹ mọi việc, mẹ tôi không mắng tôi về việc ấy mà lại trách tôi chuyện khác kia. Mẹ bảo:

- Con giúp đỡ người nghèo là đúng, nhưng con thử nghĩ xem, với số tiền mua rau ấy bà già chỉ sống được một bữa, còn bữa sau thì sao? Đáng lẽ trước kia con và các bạn con đừng tung cái tin “bà bán bỏng ho lao” ra thì chắc bà vẫn sống được tử tế. Đằng này, vô tình con và các bạn con đã hại bà ấy. Các con chưa hiểu được đâu. Chưa hiểu được một người già mà phải đói khát thì khổ đến thế nào... Mẹ còn nói nhiều nhiều nữa nhưng thấy tôi rân rân nước mắt nên mẹ thôi. Mẹ lại đưa tiền cho tôi đi mua rau.

Hôm sau đến lớp tôi kể cho các bạn nghe mọi sự việc, kể cả chuyện mẹ tôi đã mắng tôi như thế nào. Các bạn nghe mà ai cũng bùi ngùi cảm thấy mình có lỗi, bỗng có bạn lên tiếng:

- Thế ai bảo cậu Tòng là bà ấy ho lao?
- Ai bảo? Ai bảo?... – Tất cả nhao lên như muốn lên án Tòng.
- Tớ cũng chẳng nhớ. – Tòng trả lời yếu ớt. – Tớ nghe thấy thế.
- Cậu nghe chưa chính xác mà đã nói. Cậu ác thế! Ác thế!
- Khổ thân bà ấy. – Một bạn nói. – Làm thế nào để giúp bà ấy bây giờ? Hay là góp tiền lại đem cho bà ấy.

- Làm thế chẳng được đâu. – Tôi nói. – Mẹ tớ bảo là khi bà ấy ăn hết số tiền mình cho thì bà ấy lại đói. Hay là khi nào tớ gặp bà ấy tớ sẽ bảo: “Bà cứ bán bỏng đi chúng cháu lại mua cho bà” mà tất cả chúng mình phải mua của bà ấy kia, bảo cả bọn lớp khác nữa.”

- Ủ, phải đấy! – Một bạn nói. – Tất cả chúng mình đều mua.
- Tất cả.
- Tất cả. – Các bạn đồng thanh tán thành. Có bạn lại còn đề ra mình sẽ ăn sáng bằng bỏng.

(Theo Xuân Quỳnh, *Trời xanh của mỗi người*, NXB Kim Đồng, 2017, tr99-106)

Trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1 (0,5 điểm): Chỉ ra dấu hiệu xác định ngôi kể của truyện ngắn trên.

Câu 2 (0,5 điểm): Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả ngoại hình “*bà bán bỏng*” trước khi có tin đồn bà bị ho lao.

Câu 3 (1,0 điểm): Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn sau: “*Tôi bỗng gặp bà bán bỏng, trông bà gầy nhiều, lưng còng hẳn xuống, quần áo rách rưới, bà chống gậy và đeo một cái bị đi vào hàng cơm, bà lấy trong bị ra một cái bánh mì khô và nói gì nho nhỏ với bà hàng cơm, nghe không rõ.*”

Câu 4 (1,0 điểm): Qua những hành động và việc làm của nhân vật tôi sau khi chứng kiến hoàn cảnh của bà bán bỏng, em thấy nhân vật tôi có những phẩm chất gì?

Câu 5 (1,0 điểm): Từ chủ đề của truyện ngắn, anh/chị hãy chia sẻ góc nhìn của mình về trách nhiệm của việc phát ngôn.

PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về nhân vật “*bà bán bỏng*” trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Thế kỉ XXI, xã hội có nhiều biến động, nhiều người chủ động để thích ứng nhưng cũng còn một số người e ngại sự thay đổi.

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI TRƯỜNG THPT YÊN HÒA ĐỀ MINH HOẠ (2)	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: NGỮ VĂN - LỚP: 12 <i>Thời gian làm bài: 120 phút</i>
---	---

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ sau

Đỉnh núi

Tặng đồng đội tôi ở Quân khu I

<i>Ta ngự giữa đỉnh trời</i>	<i>Áo lên màu mốc trắng</i>
<i>Canh một vùng biên ải</i>	<i>Tóc đằm ðĩa sương bay</i>
<i>Cho làn sương mong manh</i>	<i>Lời yêu không muốn ngỏ</i>
<i>Hoá trường thành vững chãi</i>	<i>Sợ lẫn vào gió mây</i>

<i>Lán buộc vào hoàng hôn</i>	<i>Bỗng ngời ngời chớp núi</i>
<i>Ráng vàng cùng đến ở</i>	<i>Em xoè ô thăm ta</i>
<i>Bao nhiêu là núi non</i>	<i>Bàng hoàng, xô tung cửa</i>
<i>Ríu rít ngoài cửa sổ</i>	<i>Hoá ra vầng trăng xa</i>
	<i>Cao Bằng 1995</i>

<i>Những mùa đi thăm thăm</i>	(Trần Đăng Khoa, Tạp chí
<i>Trong mung lung chiều tà</i>	Văn nghệ, số 9, 1995)
<i>Biết bao chàng lính trẻ</i>	
<i>Đã thành ông bố già ?</i>	

Chú thích:

Trần Đăng Khoa sinh ngày 26/4/1958 tại thôn Diên Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Thanh, Hải Dương, hiện ở Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1977). Ông tốt nghiệp Trường Viết văn Nguyễn Du, tốt nghiệp Học viện Văn học Thế giới mang tên M.Gorki (CHLB Nga), từng là lính Hải quân, học viên trường Sĩ quan

Lục quân. Hiện là biên tập viên tạp chí *Văn nghệ quân đội*. Nổi tiếng là “thần đồng” thơ từ khi mới 7, 8 tuổi. Ngoài thơ ông còn viết phê bình văn học. Tác phẩm: Sáng tác tại Cao Bằng tháng 8 năm 1995 để Tặng các chiến sĩ ở Quân khu I, nhân 50 năm thành lập Quân khu.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 2: Chỉ ra từ láy trong các từ xuất hiện ở bài thơ: “*núi non*”, “*riú rít*”, “*thăm thẳm*”, “*mong manh*”, “*hoàng hôn*”.

Câu 3: Ở khổ thơ thứ nhất, tại sao “*làn sương mong manh*” hóa thành “*trường thành vững chãi*” ?

Câu 4: Khổ thơ thứ 5, nhân vật “*em*” và “*vàng trắng*” có mối tương quan như thế nào?

Câu 5: Từ bài thơ đã cho ở phần đọc hiểu, anh/ chị hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất và lý giải trong 7 -10 dòng.

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình ảnh người lính nơi biên cương trong bài thơ “Đỉnh núi” – Trần Đăng Khoa ở phần đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Peter Marshall (Nhà thuyết giáo người Mỹ gốc Scotland (1902 - 1949, từng là mục sư của nhà thờ Westminster Presbyterian ở Atlanta và hai lần giữ vị trí Giáo sĩ của Thượng nghị viện Mỹ): “*Thước đo của cuộc đời không phải thời gian, mà là cống hiến*”.

Dưới góc nhìn của người trẻ tuổi, hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT YÊN HOÀ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 12

Thời gian làm bài : 120 phút

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy <i>(Theo cấu trúc của đề thi TN THPT của Bộ GD&ĐT)</i>						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Năng lực Đọc	Văn bản Nghị luận xã hội hoặc Văn bản thông tin	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
2	Năng lực Viết	Nghị luận xã hội	1	5%		5%		10%		20%
		Nghị luận văn học	1	7,5%		10%		22,5%		40%
	Tỷ lệ %			22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI TRƯỜNG THPT YÊN HÒA ĐỀ MINH HOẠ (1)	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: NGỮ VĂN - LỚP: 12 <i>Thời gian làm bài: 120 phút</i>
---	--

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau

“Sao có thể vừa tròn 15 tuổi đã nhận được học bổng toàn phần của một trường cấp ba có tiếng của Mỹ nhỉ?”

“Sao mới 16 tuổi đã đạt được 8.5 IELTS?”

“Sao họ có thể giỏi như thế ? Còn mình thì...”

Chắc hẳn nhiều người trong chúng ta cũng từng có suy nghĩ giống như vậy.

Việc nhìn thấy người khác có cuộc sống thú vị, thành công hơn mình vô tình khiến cá nhân đổ kỵ và thôi thúc người trẻ phải bắt kịp những thành tựu ấy. Họ lấy thành công của người khác làm thước đo cho thành công của chính mình. Tuy “khó chịu” là thế nhưng cảm xúc này không nên bị ghét bỏ, mà đòi hỏi chúng ta phải đối diện để hiểu thêm về bản thân. Đó chính là áp lực đồng trang lứa (peer pressure).

[...]

Thần chú vượt qua áp lực đồng trang lứa

Thứ nhất, hãy nhớ rằng “Mình là độc nhất !”. Việc so sánh năng lực của bản thân với người khác là sự so sánh khắp khiếm vì chúng ta không cùng điểm xuất phát, không cùng mục tiêu và ước mơ. Thước đo chính xác nhất là sự nỗ lực, chỉ có bản thân bạn mới biết mình cố gắng như thế nào. Thay vì sống trong sự tự ti, luôn đưa ra sự so sánh, chi bằng hãy cố gắng trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình.

Thứ hai, hãy là chính mình. Mỗi người có một lối sống, định hướng của riêng mình. Bạn chỉ áp lực với bản thân khi bạn không chịu phấn đấu mà thôi. Áp lực đồng trang lứa có đáng sợ hay không phụ thuộc vào cách bạn đón nhận và giải quyết nó.

Có một sự thật là không ai quan tâm tới suy nghĩ của bạn, mà chỉ bạn mới sống và chịu trách nhiệm với hành động của mình. Trải nghiệm là của ta, thực hiện bằng thời gian sống của ta. Tại sao ta phải đối chiếu với người khác, gán nó cho người khác ?

Cuối cùng, hãy học cách từ chối những điều bạn cảm thấy không thích, sàng lọc những mối quan hệ toxic (độc hại) trong cuộc sống, chọn lọc thông tin tiếp nhận trên mạng xã hội. Lí do là khi bạn tiếp nhận quá nhiều thông tin tiêu cực sẽ dễ dàng sinh ra tâm lý đổ kỵ, ganh đua, tự gây áp lực lên bản thân mình.

(Theo Mai Linh, trích *Gen Z ám ảnh, sợ hãi về áp lực đồng trang lứa*, 02/11/2021, <https://dantri.com.vn/nhip-song-tre/gen-z-am-anh-so-hai-ve-ap-luc-dong-trang-lua-20211102002317950.htm>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định nội dung chính của văn bản

Câu 2: Theo tác giả, vì sao người trẻ lại bị áp lực đồng trang lứa ?

Câu 3: Theo anh/chị, việc trích dẫn các câu hỏi ở đầu văn bản có tác dụng gì ?

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm: “*Bạn chỉ áp lực với bản thân khi bạn không chịu phấn đấu mà thôi*” của tác giả hay không ? Vì sao ?

Câu 5: Theo anh/chị, ngoài những giải pháp trên, người trẻ còn cần làm gì để vượt qua áp lực đồng trang lứa ?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề:

tuổi trẻ và việc tự khẳng định mình.

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận (600 chữ) so sánh đặc sắc nội dung và nghệ thuật của hai văn bản sau:

Văn bản thứ nhất:

Mùa xuân xanh

- **Nguyễn Bính** ⁽¹⁾ -

Mùa xuân là cả một mùa xanh

Giời ở trên cao, lá ở cành

Lúa ở đồng tôi và lúa ở

Đồng nàng và lúa ở đồng anh.

[...]

(Trích *Nguyễn Bính - Thơ và đời* (2003), NXB Văn Học, tr.63)

Văn bản thứ hai:

Xuân ý

- **Hồ Dzếnh** ⁽²⁾ -

Trời đẹp như trời mới tráng gương,

Chim ca, tiếng sáng rộn ven tường

Có ai bên cửa ngời hong tóc

Cho chảy tan thành một suối hương.

[...]

(Trích *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 27, Hà Minh Đức, Nguyễn Xuân Nam sưu tầm, tuyển chọn, NXB Khoa học Xã hội, 1995, tr.397)

*** Chú thích:**

(1) Nguyễn Bính (1918 – 1966): tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính, quê ở Nam Định. Ông là một trong những nhà thơ nổi tiếng của phong trào Thơ Mới. Thơ Nguyễn Bính mang đậm chất thôn quê; dù viết về hình ảnh, cảnh sắc, con người nào thì tất cả đều thấm đượm một tình quê, duyên quê, hồn quê Việt Nam sâu sắc.

Bài thơ “*Mùa xuân xanh*” là một trong những bài thơ tươi đẹp và trong sáng của Nguyễn Bính về mùa xuân. Bài thơ như một tấm chân tình mở rộng đón mùa xuân đến với tràn trề bao ước vọng, tin tưởng vào ngày mai.

(2) **Hồ Dzếnh** (1916–1991): tên khai sinh là Hà Triệu Anh hay Hà Anh (ghi theo giọng Quảng Đông là Hồ Dzếnh), ông là nhà thơ gốc Trung Hoa. Ông được biết đến với một giọng thơ nhẹ nhàng, siêu thoát, phảng phất hương vị thơ cổ Trung Hoa. “*Xuân ý*” là thi phẩm tiêu biểu của Hồ Dzếnh với những “vần thơ duyên dáng, ngọt ngào”, thể hiện hiện “những tình cảm kín đáo mà rất thấm thiết”; giọng thơ đầm thắm, nhạc thơ uyển chuyển du dương.

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI TRƯỜNG THPT YÊN HÒA ĐỀ MINH HOẠ (2)	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: NGỮ VĂN - LỚP: 12 <i>Thời gian làm bài: 120 phút</i>
---	---

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

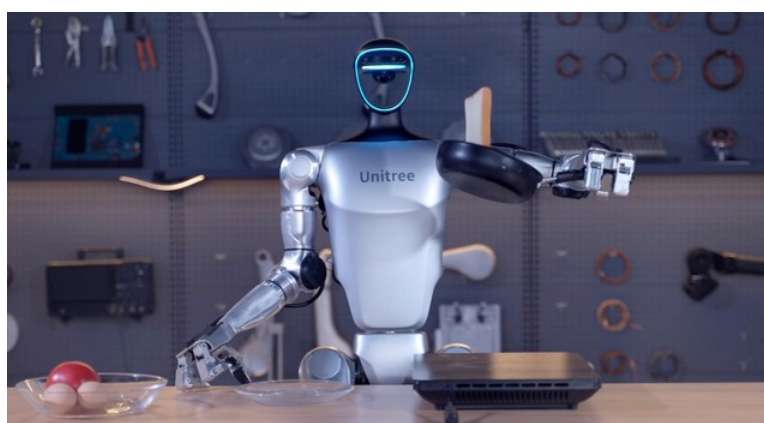
ROBOT CÓ THỂ TỰ HUẤN LUYỆN CHÍNH MÌNH BẰNG AI

(Phong Đỗ)

Robot dần có khả năng tự học hỏi, liệu đây có phải mối đe dọa tiềm tàng?

Theo BGR, các nhà nghiên cứu tại Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) vừa công bố một thuật toán mới mang tên 'Estimate, Extrapolate, and Situate' (EES), cho phép robot tự huấn luyện và cải thiện kỹ năng mà không cần sự can thiệp của con người.

EES hoạt động bằng cách cho phép robot sử dụng hệ thống thị giác để quan sát môi trường xung quanh và nhiệm vụ được giao. Sau đó, thuật toán sẽ đánh giá hiệu suất của robot và tự động tạo ra các bài tập huấn luyện để cải thiện những kỹ năng còn yếu kém.



Robot có thể tự huấn luyện chính mình bằng AI

Các nhà nghiên cứu đã thử nghiệm thành công EES trên chú chó robot Spot của Boston Dynamics. Spot đã có thể tự học cách thực hiện các nhiệm vụ phức tạp hơn sau khi được trang bị thuật toán này.

Đây là một bước tiến đáng kể trong lĩnh vực [trí tuệ nhân tạo](#) và robot học, mở ra tiềm năng ứng dụng rộng lớn trong nhiều lĩnh vực, từ công nghiệp đến dịch vụ. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra những câu hỏi về khả năng kiểm soát và những hệ lụy tiềm tàng của việc robot trở nên quá thông minh.

Một số chuyên gia lo ngại rằng nếu robot có thể tự học hỏi và phát triển vượt bậc, chúng có thể trở thành mối đe dọa đối với con người, đặc biệt là nếu chúng được sử dụng cho mục đích quân sự.

Mặc dù các nhà nghiên cứu tại MIT khẳng định EES được thiết kế để giúp robot thực hiện các nhiệm vụ đơn giản một cách hiệu quả hơn, nhưng không thể loại trừ khả năng thuật toán này bị lợi dụng cho những mục đích xấu.

Liệu rằng đây là một bước tiến vượt bậc cho nhân loại hay là mở đầu cho một kỷ nguyên mới đầy rủi ro? Câu trả lời vẫn còn bỏ ngỏ và cần được theo dõi sát sao trong thời gian tới.

(Theo <https://thanhnien.vn/robot-co-the-tu-huan-luyen-chinh-minh-bang-ai-18524082521595996.htm>, 26/08/2024)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Theo văn bản trên, thuật toán mới do các nhà nghiên cứu tại Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) vừa công bố cho phép robot có khả năng gì?

Câu 2. Điều gì khiến một số chuyên gia lo ngại khi robot có thể tự học hỏi và phát triển vượt bậc?

Câu 3. Giữa nhan đề và hình minh họa có mối quan hệ như thế nào?

Câu 4. Việc sử dụng dữ liệu từ kết quả nghiên cứu của các chuyên gia trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 5. Theo anh/chị, việc robot có thể tự học hỏi và phát triển là một bước tiến vượt bậc cho nhân loại hay là mở đầu cho một kỷ nguyên mới đầy rủi ro? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết phải thích ứng với những thay đổi của khoa học công nghệ trong thời đại hiện nay.

Câu 2. (4,0 điểm): Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của văn bản sau

TIẾNG CHUÔNG THIÊN MỤ

Sống thẳng một mạch mười năm có lẽ ở Huế, nhiều đêm mất ngủ, tôi nằm nghe tiếng chuông Thiên Mụ tựa như lời nói thầm âm mà lòng thốn thức nhớ quê.

Một năm 365 đêm, đêm nào cũng thế, cứ vào giờ tí, sư trụ trì chùa Thiên Mụ lại cho thỉnh chuông. Mùa xuân, tiếng chuông nghe trong vắt như hơi gió heo may đi qua kẽ lá, làm bồi hồi đất trời, đâu đó những mầm sống cựa mình để đất nở hoa, cho hoàng mai nở vàng suốt một dãy phố chợ. Kể từ tiết lập hạ, tiếng chuông nghe thanh thoi hơn, có nắng gió và sự trầm tĩnh của lòng người thỉnh chuông. Tiếng chuông như có bóng mát che chở mỗi đời người. Nhưng từ trong sâu thẳm vẫn sừng sững một nỗi cô đơn nhân từ của trời cao, và tiếng chuông lúc này nghe như đại ngã bao dung.

Vào giắc thu, trời Huế tím cho đến tận nửa đêm, đường phố nhiều lá rụng, tiếng chuông Thiên Mụ vì thế cũng đã vàng xao xác. Cây cối rũ lá thanh thoát và tiếng chuông đi qua xương cây nghe mơ hồ như một hơi thở nhẹ, say say nắng. Đó cũng là thời khắc bịn rịn, chia lìa của các tình nhân, họ ngậm ngùi trở về để mặc vai áo cho sương thu ướt đầm. Tiết lập đông có tiếng chim sếu kêu khan ngoài sông lạnh, Huế rét mướt vô kể. Tiếng chuông Thiên Mụ nghe như buồn hơn bao giờ hết, để người xa quê lòng nao nao nhớ một bếp lửa hồng.

Chỉ một tiếng chuông nhưng chao ôi đã đọng bao buồn vui, khắc khoải của một đời người. Rằng nương theo tiếng chuông này, ta sẽ gặp ngày hội ngộ của bốn mùa.

Với những người am hiểu Huế, sở dĩ tiếng chuông chùa Thiên Mụ hay và vang xa nhất, không phải chỉ vì nhờ cấu trúc tinh xảo và chất đồng tinh luyện mà

còn vì chuông được thỉnh bằng dùi gõ mít nài xứ núi, tuổi trên một trăm, thớ gỗ đã chuyển cả từ vàng nghệ sang đỏ sẫm với vân hình cánh nhạn. Gõ mít nài xứ núi khắc với đồng như thủy với hỏa. Sự tương khắc để mà sinh sôi cho tiếng chuông kì diệu, nghe một đời mà không thấu trọn.

Còn với người Huế xa quê, tiếng chuông Thiên Mục là nỗi nhớ dai dẳng như mưa dầm, buốt rức, suốt một đời ám ảnh những bước chân ai phiêu bạt mưu sinh.

(Nguyễn Xuân Hoàng, *Tùy bút Hương mùa Thu*,
2001)

Chú thích:

Nguyễn Xuân Hoàng sinh năm 1966 mất năm 2006 tại Huế. Anh rong chơi trong cõi đời chỉ có 40 năm ngắn ngủi, những trang văn anh để lại cho đời không nhiều chỉ với 5 tác phẩm: *Hương mùa Thu* (2001), *Cỏ hoa xứ Huế* (2003), *Ký ức Quỳnh Hương* (2007), *Hồn Mai* (2007), *Cõi tạm phù hoa* (2011) mà phần lớn là tùy bút viết về Huế và văn hóa Huế. Huế đã trở thành một trong những cảm hứng chủ đạo chi phối hành trình sáng tác và cũng là nhân tố góp phần định hình phong cách văn chương Nguyễn Xuân Hoàng.

Đọc tùy bút Nguyễn Xuân Hoàng ta thấy ẩn chứa một tình yêu Huế đến cuồng mê. Chính tình yêu này đã kết tinh thành những dự phóng sáng tạo giúp chuyển tải những thông điệp đầy tính nhân văn về những vẻ đẹp văn hóa của thiên nhiên, đất nước và con người xứ Huế.